

Số: 35/2018/QĐST-HNGĐ

Như Thanh, ngày 06 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A** - Sinh ngày 03/01/1992

Nơi ĐKKHKT: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn I, xã H, huyện K, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Trương Ngọc B** - Sinh ngày 06/5/1990.

Địa chỉ: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trương Ngọc B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A, anh Trương Ngọc B thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị A, anh Trương Ngọc B thống nhất hai cháu Trương Gia D, sinh ngày 28/4/2012 và Trương Thị C, sinh ngày 14/9/2015 là con chung của vợ chồng.

Hai bên thỏa thuận: Chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị C, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Gia D. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị A, anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị A, anh Trương Ngọc B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị A, anh Trương Ngọc B thống nhất: Chị A chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, Số tiền án phí chị A phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án huyện Như Thanh theo biên lai số: số AA/2015/0006855, ngày 12 tháng 4 năm 2018. Chị A được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trở lời hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH

Thẩm phán

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Thi hành án (để thi hành);
- UBND xã H;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh;
- Lưu Hồ sơ.

Lê Đình Huy